
- Cây lâu năm:	7.930.000đ
- Cây hàng năm:	132.768.000đ
- Đào ao:	13.844.000đ
- Di chuyển mộ:	4.200.000đ
Hỗ trợ:	164.724.000đ
- Chuyển đổi nghề	15.000.000đ
- Ổn định sản xuất	17.595.000đ
- Theo Quyết định số 1036/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008	132.129.000đ
Chi phí khác:	22.000.000đ
- Chi phí Hội đồng bồi thường:	20.000.000đ
- Chi phí thẩm định:	2.000.000đ

2. Nguồn kinh phí: Dự án chi trả.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì, Chủ tịch UBND phường Nông Trang, Chủ tịch UBND xã Vân Phú và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ quyết định thi hành.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Đình Vượng (Đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1649/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 17 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Duyệt kế hoạch xây dựng đường giao thông nông thôn
bằng bê tông xi măng và đá dăm tận dụng năm 2008**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải tại Văn bản số 594/SGTVT-QLGT ngày 12/6/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt kế hoạch xây dựng đường giao thông nông thôn bằng bê tông xi măng và đá dăm tận dụng năm 2008, như sau:

STT	Huyện, thị	Đường bê tông xi măng				Đường đá dăm tận dụng (km)
		Tổng số	Loại B	Loại C	Xi măng (tấn)	
1	Thanh Sơn	9	4,5	4,5	1.029,0	8
2	Tân Sơn	8,3	4	4,3	939,0	7
3	Yên Lập	8	4	4	914,8	
4	Thanh Ba	9	5	4	1.062,0	
5	Đoan Hùng	9	4,5	4,5	1.029,15	
6	Thanh Thủy	10	4,5	5,5	1.110,15	
7	Hạ Hòa	9	4	5	995,5	
8	Cẩm Khê	8,5	4	4,5	955,3	
9	Tam Nông	8	4	4	915,0	7
10	Phù Ninh	8,5	4,5	4	988,65	
11	Lâm Thao	8,5	4,5	4	989,0	
12	Việt Trì	9,5	5	4,5	1.103,0	
13	Phú Thọ	9	5	4	1.063,0	
Tổng số		114,3	57,5	56,8	13.093,0	22

Trong đó:

+ Hỗ trợ xi măng: 28.392,2 tấn.

- Đường loại B: 57,5km x 147,7 tấn/km = 8.492,2 tấn.